|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**  **Bộ môn: Kinh tế quốc tế**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Học phần: Kinh tế quốc tế 2**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**1. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế quốc tế 2**

 **Tên học phần** **(tiếng Anh):** **International Economics 2**

**2. Mã học phần: FECO1812**

**3. Số tín chỉ: 3 (36,9)**

**4. Cấu trúc:**

|  |  |
| --- | --- |
| * Giờ lý thuyết: 36
* Giờ thực hành: 0
* Giờ tự học: 90
 | * Giờ thảo luận: 9
* Giờ báo cáo thực tế: 0
 |

**5. Điều kiện của học phần:**

- Học phần tiên quyết: Không Mã HP:

- Học phần học trước: Kinh tế quốc tế 1 Mã HP: FECO 1711

- Học phần song hành: Không Mã HP:

- Điều kiện khác: Không

**6. Mục tiêu của học phần**:

- Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về chính sách điều chỉnh nền kinh tế của Chính phủ nhằm đạt các mục tiêu cân bằng bên trong và cân bằng bên ngoài.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Sinh viên có kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung và tác động của các chính sách thuế quan, phi thuế quan, tỷ giá hối đoái, đảo chi tiêu và thay đổi chi tiêu tới nền kinh tế.

+ Sinh viên có kiến thức nền tảng về đặc điểm của các hình thức liên kết kinh tế khu vực, sự khác biệt giữa các hình thức liên kết kinh tế khu vực và tác động của liên kết kinh tế khu vực đến các nước tham gia.

+ Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm

**7. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi học xong học phần, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

- CLO1: Nắm được, hiểu được và phân tích được tác động của thuế quan và một số rào cản phi thuế quan tới lợi ích của người sản xuất, người tiêu dùng và quốc gia.

- CLO2: Nắm được các kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối và các chính sách điều chỉnh tỷ giá hối đoái.

- CLO3: Biết cách vận dụng lý thuyết để xây dựng đường cung, cầu ngoại hối của một quốc gia. Phân tích được tác động của các chính sách tỷ giá hối đoái, đảo chi tiêu và thay đổi chi tiêu tới nền kinh tế quốc gia.

- CLO4: Hiểu được kiến thức cơ bản về các hình thức liên kết kinh tế quốc tế và phân tích được, đánh giá được tác động của các liên kết này tới lợi ích quốc gia.

- CLO5: Người học có trách nhiệm đối với công việc được giao, có thái độ chủ động cập nhật kiến thức, tích cực tham gia hoàn thành nhiệm vụ của tập tập thể, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, đạt được các chuẩn năng lực và thái độ đạt được theo chuẩn đầu ra của chuyên ngành.

**8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

- Tiếng Việt: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách kinh tế vĩ mô áp dụng trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; giới thiệu các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, các chính sách và định hướng cho xuất nhập khẩu tại các nước đang phát triển ; phân tích tác động của các chính sách này tới cân bằng bên trong, cân bằng bên ngoài và lợi ích của các quốc gia trong điều kiện kinh tế mở.

- Tiếng Anh: *This subject provides students with basic knowledge of macro-economic policies in the context of regional and global economic integration, presents forms of trade blocks, the policies to exports and imports in the developping countries; also analyses impact of these policies to internal & external balance of countries in the context of oppening their economy.*

**9. Cán bộ giảng dạy học phần**

9.1. CBGD cơ hữu:

* TS. Nguyễn Bích Thủy
* Ths Nguyễn Thùy Dương
* Ths Phan Thị Thu Giang
* TS. Nguyễn Duy Đạt
* TS. Đặng Xuân Huy

9.2. CBGD kiêm nhiệm: Không

9.3. CBGV thỉnh giảng: Không

9.4. Chuyên gia thực tế: ông Ngô Chung Khanh – Phó vụ trưởng Vụ Chính sách thương mại đa biên – Bộ Công Thương

**10. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần****đánh giá** | **Trọng****số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric** | **Liên quan đến CĐR của HP** | **Hướng dẫn****đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **1. Điểm chuyên cần (**$Đ\_{1}$**)** $$ $$ | **0,1** | Chuyên cần | 0,8 | R1 | CLO5 | GV đánh giá mức độ đi học đầy đủ, chuyên cần của SV |
| Ý thức học tập trên lớp | 0,2 | CLO5 | GV đánh giá mức độ phát biểu, trao đổi ý kiến của SV liên quan đến bài học và hiệu quả của các đóng góp; mức độ vi phạm kỷ luật của SV trên lớp (vào lớp muộn, gây mất trật tự, làm việc riêng, không tuân thủ điều hành của GV) |
| **2. Điểm thực hành (**$Đ\_{2}$**)** | **0,3** |  |  |  |  |  |
| *2.1. Điểm kiểm tra* (Đkt) | *0,15* | *Bài kiểm tra số 1* | *0,5* |  | *CLO1, CLO2,*  | *GV chấm bài kiểm tra* |
| *Bài kiểm tra số 2* | *0,5* |  | *CLO1, CLO2, CLO3, CLO4* |
| *2.2. Điểm đổi mới phương pháp học tập* (Đđm) | *0,15* | *Bài thảo luận nhóm* | *0,3* | *R2* | *CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5* | *GV đánh giá mức độ đạt yêu cầu về hình thức và nội dung bài thảo luận nhóm* |
| *Thuyết trình, bảo vệ của nhóm*  | *0,4* | *R3* | *CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5* | *GV đánh giá phần trình bày slide, khả năng thuyết trình và bảo vệ bài báo cáo*  |
| *Nhận xét, nêu câu hỏi phản biện của nhóm* | *0,2* | *R4* | *CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5* | *Giảng viên đánh giá phần nhận xét thuyết trình, đặt câu hỏi phản biện và sự đóng góp, ý kiến cho đề tài thảo luận* |
|  |  | *Điểm nhóm thảo luận lớp học phần tự đánh giá các thành viên trong nhóm* | *0,1* | *R5* | *CLO5* | *Các nhóm thảo luận tổ chức họp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đóng góp vào kết quả chung và việc chấp hành sinh hoạt nhóm của từng thành viên trong nhóm* |
| **3. Điểm thi hết HP (**$Đ\_{3}$**)** | **0,6** | Bài thi cuối kỳ: Thi tự luận theo Ngân hàng đề thi |  |  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Bộ môn phân công GV chấm bài thi theo quy định |

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm
thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

 *\* Ghi chú:*

(1) Điểm học phần được tính theo công thức sau: **Đhp =** $\sum\_{1}^{3}k\_{i}Đ\_{i} $

 Trong đó: **Đhp**: Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

 **Đ**i: Điểm thành phần i (i = 1,2,3)

 **ki**: Trọng số điểm thành phần i (i = 1,2,3)

(2) Điểm thực hành được tính theo công thức sau: Đth = $\frac{Đkt + Đđm}{2}$

 Trong đó: **Đth**: Điểm thực hành, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

 **Đkt**: Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

Đkt = $\frac{\sum\_{1}^{n}Đkt\_{i} }{n}$

($Đkt\_{i}$: Điểm kiểm trai; n: Số bài kiểm tra)

 Đđm: Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số

 thập phân.

*Điểm đổi mới có thể có nhiều điểm thành phần sẽ được tính như sau: Đđm = ∑ kiĐđmi*

*(Đđmi: Điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i*

*ki: Trọng số điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)*

(3) Rubric đánh giá điểm thành phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần****đánh****giá** | **Tiêu chí****đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| **Mức F** **(0-3,9 điểm)** | **Mức D** **(4,0-5,4 điểm)** | **Mức C****(5,5-6,9 điểm)** | **Mức B****(7,0-8,4 điểm)** | **Mức A****(8,5-10 điểm)** |
| R1 | *Chuyên cần* | Vắng mặt trên lớptrên 40%(Trường hợp này đồng nghĩa với việc người học không đủ điều kiện dự thi hết học phần) | Vắng mặt trên lớp từ trên 30-40% | Vắng mặt trên lớptừ trên 20-30% | Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20% | Vắng mặt trên lớp từ 0-10% | 0,8 |
| *Ý thức**học tập trên lớp* | Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật  | Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật  | Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật  | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật  | Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật | 0,2 |
| R2 | *Hình thức bài thảo luận nhóm* | Không tuân thủ bố cục chung và yêu cầu của Giảng viên | Sơ sài, không đủ dung lượng; | Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng | Rõ ràng, logic | Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp | 0,2 |
| *Nội dung bào thảo luận nhóm* | Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu | Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng | Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng | Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu | Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu | 0,8 |
| R3 | *Trình**bày slide* | Không có bài trình bày hoặc Slide quá nhiều lỗi, không tuân thủ yêu cầu của Giảng viên | Slide trình bày quá sơ sài và ít hình ảnh minh họa | Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn khá nhiều, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng  | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, thỉnh thoảng có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày | 0,5 |
| *Thuyết**Trình, bảo vệ đề tài thảo luận* | Không có người trình bày, Người nghe không hiểu; Không trả lời được câu hỏi | Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ; Vượt quá rất nhiều thời gian quy định; chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém | Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng nhưng chưa liền mạch, còn phụ thuộc nhiều vào tài liệu, hơi quá quy định về thời gian trình bày, có tương tác với người nghe ở mức độ thấp; Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi trung bình | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ | 0,5 |
| R4 | *Bài nhận xét phản biện* | Không chú ý theo dõi bài thuyết trình, không đưa ra được nhận xét phản biện  | Bài nhận xét phản biện sơ sài, không đúng yêu cầu | Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ | Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ | Bài nhận xét rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ | 0,5 |
| *Nêu câu hỏi phản biện* | Ý thức tham gia phản biện yếu, không đưa ra được câu hỏi | Tư duy phản biện kém, hầu hết câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm | Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm | Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện khá đúng trọng tâm | Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay | 0,5 |
| R5 | *Điểm nhóm thảo luận lớp học phần tự giá các thành viên trong nhóm* | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức thấp | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao | 1.0 |

**11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,****tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/****nơi ban hành VB** |
| **Giáo trình chính** |
| 1 | Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai | 2012 | Giáo trình Kinh tế quốc tế | NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội |
| 2 | Paul R. Krugman & Maurice Obstfeld | 1996 | Kinh tế quốc tế: lý thuyết và chính sách  | NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội |
| **Sách giáo trình, sách tham khảo** |
| 3 | Thomas A. Pugel | 2003 | International Economics | Twelfth edition, McGraw – Hill, New York |
| **Các website, phần mềm,...** |
| 4. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương: <http://www.ciem.org.vn> |
| 5. Tổ chức Thương mại thế giới: http:// www.wto.org  |
| 6. Cơ sở dữ liệu Statista: <http://www.statista.com> |

**12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các nội dung cơ bản theo chương, mục***(đến 3 chữ số)* | **Phân bổ** **thời gian** |  | **CĐR của chương** | **Phương pháp** **giảng dạy**  | **Hoạt động học của SV** | **Tài liệu tham khảo** |
| **LT** | **TL/TH** | **KT** | **BCTT** |
| 1 | **Bài mở đầu: Tổng quan học phần Kinh tế** Quốc tế 2 1. Một số khái niệm2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần3. Mục tiêu nghiên cứu của học phần4. Các xu thế liên kết và hội nhập trong bối cảnh thế giới ngày nay | 3 | 0 | 0 |  |  | Diễn giải, thuyết trình | Nghe giảng | [1] tr3-9 |
| 2 | **Chương 1: Lý thuyết về rào cản thương mại quốc tế*** 1. Lý thuyết về rào cản thuế quan

1.1.1. Phân tích cân bằng cục bộ ảnh hưởng của thuế quan1.1.2. Phân tích cân bằng chung ảnh hưởng của thuế quan1.1.3. Phân tích thuế quan tối ưu và trả đũa thương mại1.1.4. Phân tích tỷ lệ bảo hộ thực sự1.2. Lý thuyết về rào cản phi thuế quan1.2.1. Lý thuyết về hạn ngạch1.2.2. Lý thuyết về trợ cấp1.2.3. Một số lý thuyết khác | 9 | 3 | 0 |  | CLO1, CLO5 | Diễn giải, thuyết trình, hướng dẫn bài tập | Nghe giảng, làm bài tập và thảo luận nhóm | [1] tr166 – 217[3] tr131 - 309 |
| 3 | **Chương 2: Thị trường ngoại hối và chính sách tỷ giá hối đoái**2.1. Thị trường ngoại hối2.1.1. Khái niệm2.1.2. Chức năng của thị trường ngoại hối2.1.3. Sự cân bằng trên thị trường ngoại hối2.2. Tỷ giá hối đoái2.2.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái2.2.2. Các chế độ tỷ giá hối đoái2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái2.3. Chính sách điều chỉnh tỷ giá hối đoái2.3.1. Chính sách chiết khấu2.3.2. Phá giá tiền tệ2.3.3. Nâng giá tiền tệ2.3.4. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến các quan hệ kinh tế quốc tế | 5 | 3 | 1 |  | CLO2 | Diễn giải, thuyết trình | Nghe giảng, trả lời câu hỏi và làm bài kiểm tra 1 tiết | [1] tr223-254[3] tr339-373 |
| 4 | **Chương 3: Điều chỉnh cân bằng kinh tế trong nền kinh tế mở**3.1. Chính sách tỷ giá hối đoái điều chỉnh mất cân bằng cán cân thanh toán3.1.1. Điều chỉnh với tỷ giá hối đoái linh hoạt3.1.2. Sự ổn định của các thị trường ngoại hối3.1.3. Điều chỉnh với hệ thống bản vị vàng3.2. Chính sách đảo chi tiêu và thay đổi chi tiêu đạt cân bằng bên trong và cân bằng bên ngoài3.2.1. Đường cân bằng bên trong3.2.2. Đường cân bằng bên ngoài3.2.3. Chính sách điều chỉnh cân bằng bên trong và bên ngoài3.4. 3.3. Chính sách điều chỉnh cân bằng kinh tế của Việt Nam3.3.1. Chính sách tỷ giá hối đoái3.3.2. Chính sách tài khóa3.3.3. Chính sách tiền tệ | 6 | 3 | 0 | 3 | CLO3 | Diễn giải, thuyết trình | Nghe giảng, phân tích tình huống và thảo luận | [2] tr255-273[3] tr375-426 |
| 5 | **Chương 4: Liên kết kinh tế quốc tế**5.1. Các loại hình liên kết kinh tế quốc tế 5.1.1. Cơ sở của liên kết kinh tế quốc tế5.1.2. Các loại hình liên kết kinh tế quốc tế5.2. Lợi ích của các liên kết kinh tế quốc tế 5.2.1. Đồng minh thuế quan tạo lập thương mại 5.2.2. Đồng minh thuế quan chuyển hướng thương mại5.2.3. Lợi ích tĩnh và lợi ích động của các liên kết kinh tế quốc tế5.3. Một số tổ chức thương mại quốc tế và liên kết kinh tế quốc tế 5.3.1. Tổ chức Thương mại thế giới 5.3.2. Liên minh Châu Âu 5.3.3. Cộng đồng kinh tế ASEAN | 6 | 0 | 1 | 2 | CLO4, CLO5 | Diễn giải, thuyết trình, hướng dẫn bài tập | Nghe giảng, chữa bài tập và làm bài kiểm tra 1 tiết | [2] tr3-37[3] tr131 - 309 |

**Lưu ý:**

1. Hướng dẫn thực hiện giờ thảo luận:

- Trong 18 giờ thảo luận có 9 giờ dự giảng thảo luận trên lớp và 9 giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến. Giảng viên có thể lựa chọn phương tiện hướng dẫn phù hợp điều kiện thực tế.

- Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến nhằm giúp các nhóm thảo luận có bài thảo luận hoàn chỉnh trước khi thực hiện giờ thảo luận trên lớp. Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến bao gồm các công việc: Hướng dẫn đề cương bài thảo luận, hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo, góp ý bản thảo bài thảo luận, giải đáp thắc mắc,… (có minh chứng bản sửa đề cương và bản sửa bài thảo luận).

2. Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

*Ngày tháng năm 2020*

**TRƯỞNG KHOA** **TRƯỞNG BỘ MÔN**

 (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

 

 TS. Nguyễn Duy Đạt  **TS. Nguyễn Bích Thủy**

**HIỆU TRƯỞNG**